

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2025/HSST.
Ngày 12/03/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hồng Điệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Dũng.
2/ Ông Nguyễn Tấn Lập.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thuý Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 03 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 105/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Danh Phal**, sinh ngày 05/9/1997; tại Kiên Giang; Nơi đăng ký thường trú, chỗ ở hiện nay: Tổ H, ấp V, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Ngư phủ; Trình độ văn hóa: 3/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Khmer; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Danh P, sinh năm 1970 và bà Cẩm H, sinh năm 1977; Anh (chị) em ruột: có 04 người, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2010, bị cáo là người con thứ hai trong gia đình; có vợ tên: Nguyễn Thị Tuyết B, sinh năm 1994 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2024.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/9/2024 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

** Bị hại:*

1/ Ông **Dương Văn X**, sinh năm 1973; Địa chỉ: Tổ A, ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Có mặt);

2/ Ông **Phạm Văn H1**, sinh năm 2001; Địa chỉ: Tổ C, ấp S, xã N, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Cầm H**, sinh năm 1977; Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

** Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: Bà **Đỗ Thị Đ**, sinh năm 1973, bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1975, bà **Trần Thị T**, sinh năm 1992, bà **Lê Thị Bích D**, sinh năm 1962, bà **Trương Thị H2**, sinh năm 1973 và bà **Trần Thị P1**, sinh năm 1988; Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Những người làm chứng có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 17/9/2024, Danh P2 tổ chức nhậu tại nhà bà Thị Trần T1 (là cô ruột P) tại tổ H, ấp V, xã L, huyện H cùng với Danh P3 (anh ruột P2) và Danh Si T2 (cậu ruột P2). Đến khoảng 10 giờ phút cùng ngày, Trần Văn T3 (em vợ cũ của Danh Si T2) đến rủ Danh Si T2 đến phòng trọ của Trần Thị P1 (vợ cũ của T2) đang thuê tại nhà trọ “Huỳnh Mai” thuộc ấp L, xã L để nhậu. Sau đó, T2 đi cùng T3 còn P2 và P3 tiếp tục nhậu.

Khoảng hơn 18 giờ cùng ngày, T2 quay lại và kể cho P2 biết việc T2 bị cha chồng của Trần Thị P1 ném ly trúng vào ngực, cùng lúc này Danh P2 nhớ đến việc Danh H3 (cậu ruột P2) cũng bị T3 chửi và hăm dọa đánh nên P2 nảy sinh ý định sẽ dùng dao để chém T3 và cha chồng của P1 để trả thù cho H3 và T2. Sau đó, Danh P2 đi về nhà và vào phòng ngủ lấy cây dao dài khoảng 40-50cm, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng để vào lưng quần phía trước và đi vòng ra phía sau nhà đi ra đường lộ nên P3 và T2 đi không nhìn thấy.

Khi ra đến lộ thì P2 gặp M (chưa rõ nhân thân lai lịch) đang chạy xe mô tô nên P2 nhờ M chở đến Miếu B1 để đi công việc, M đồng ý.

Khi đến P2 xuống xe và đi bộ vào nhà trọ “Huỳnh Mai” thuộc ấp L, xã L thì thấy Trần Thị P1 đi vào phòng trọ, P2 đi theo thấy bên trong phòng trọ có anh Dương Văn X đang nhậu với vợ tên Trương Thị H2, bà Đỗ Thị Đ1, bà Nguyễn Thị N và Lê Thị Bích D. Tưởng rằng anh X là cha chồng của P1 nên P2 rút cây dao từ trong lưng quần ra và chém trúng gót chân bên phải của anh X. Khi nghe những người xung quanh hô hoán cho rằng P2 chém nhầm người thì P2 dừng lại và giấu con dao vào trong người đi về. Khi đi đến phòng trọ đầu tiên (theo thứ tự từ ngoài vào), thấy bên phòng trọ có T3 và một số người khác nên P2 tiếp tục vào phòng chém T3. Do sợ bị chém nên T3 và các người trong phòng trốn dưới gầm bàn, P2 dùng dao chém trúng vào tay trái anh Phạm Văn H1.

Thấy vậy, P1 can ngăn nên P2 đi ra đường, kêu M chở về nhà. Sau đó, P2 vứt bỏ con dao xuống kênh C (phía sau nhà ông Út T4) còn anh Phạm Văn H1 được gia đình đưa đến Trạm y tế xã L để điều trị vết thương, còn anh Dương Văn X được đưa đến Bệnh viện đa khoa tỉnh K để điều trị thương tích. Trong ngày 17/9/2024, Danh P2 đến Cơ quan Công an đầu thú và khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

* Tại bản kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số: 625/KLTTCT-PY ngày 23/9/2024 của Trung tâm P4 - Sở Y tế tỉnh K, kết luận thương tích của Phạm Văn H1 như sau:

1. Các kết quả chính:

- Kết quả khám giám định: Vết thương phần mềm vùng khuỷu tay trái.
- Kết quả khám chuyên khoa: Không.
- Kết quả cận lâm sàng: Không.

2. Kết luận.

2.1. Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giai đoạn giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Văn H1 tại thời điểm giám định là 02% (Hai phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

2.2. Vật gây thương tích: Thương tích do vật có cạnh sắc gây nên.

* Tại bản kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số: 690/KLTTCT-PY ngày 17/10/2024 của Trung tâm P4 - Sở Y tế tỉnh K, kết luận thương tích của Dương Văn X như sau:

1. Các kết quả chính:

- Kết quả khám giám định: Vết thương vùng khớp cổ bàn chân phải gãy gãy xương gày (đứt) xương gót chân phải, đứt cơ mác ngắn, mác dài đã được phẫu thuật thám sát, khâu nổi gân cơ. Hiện xương chưa liền, còn hạn chế vận động cổ chân.

Kết quả cận lâm sàng: Gãy xương gót chân phải.

Căn cứ T5 tự số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ Y1 đề quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giai đoạn giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Dương Văn X tại thời điểm giám định là 17% (Mười bảy phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

2.2. Vật gây thương tích: Vật sắc.

Tại bản cáo trạng số: 08/CT-VKS-HĐ ngày 27/12/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất truy tố bị can Danh P2, sinh năm 1997 về tội: “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất giữ quyền công tố tại phiên tòa: Sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Danh P2 từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù.

Về xử lý vật chứng: Ngày 18/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã phối hợp với Công an xã L tổ chức truy tìm con dao mà Danh P2 dùng làm hung khí gây thương tích cho anh Phạm Văn H1 và anh Dương Văn X bằng hình thức lặn xuống Kênh Chết K (vị trí mà Danh P2 đã ném con dao xuống) nhưng không thu giữ được nên đề nghị không đặt ra xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Dương Văn X yêu cầu Danh Phal bồi thường chi phí điều trị thương tích và tổn hại sức khỏe với tổng số tiền là 52.000.000đ (Năm mươi hai triệu đồng). Danh Phal đã tác động gia đình chi trả tiền chi phí nhập viện, tiền xe đi lại và tái khám với tổng số tiền là 13.450.000đ (mười ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) và 8.000.000đ (tám triệu đồng) tiền mặt cho anh X. Tổng số

tiền mà Danh P2 đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại là 21.450.000đ (hai mươi một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) còn lại 32.000.000đồng, Danh P2 cũng đồng ý đề nghị HĐXX ghi nhận. Riêng bị hại Phạm Văn H1 không có yêu cầu bồi thường nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Danh P2 phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Danh P2 thừa nhận hành vi như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất đã truy tố là đúng và không tranh luận gì thêm.

Bị hại Dương Văn X trình bày: Thông nhất với đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt cho bị cáo; Về trách nhiệm dân sự yêu cầu bị cáo bồi thường tiếp số tiền còn lại là 32.000.000đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cẩm H trình bày: Tổng số tiền bà bồi thường cho anh X là 21.450.000đ gồm chi phí nhập viện, tiền xe đi lại và tái khám với tổng số tiền là 13.450.000đ và 8.000.000đ tiền mặt cho anh X. Số tiền này bà khắc phục hậu quả cho Danh P2 và bà không yêu cầu bị cáo Danh P2 phải trả lại cho bà số tiền này.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX vào nghị án: Bị cáo Danh P2 bày tỏ sự hối hận về hành vi của mình và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm, hành vi phạm tội cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 18 giờ, ngày 17/9/2024 tại nhà trọ “H” thuộc ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Kiên Giang, Danh P2 đã có hành vi dùng dao là hung khí nguy hiểm chém vào gót chân phải của anh Dương Văn X gây thương tích, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 17% (Mười bảy phần trăm) và chém vào khuỷu tay trái của anh Phạm Văn H1 gây thương tích, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 02% (Hai phần trăm). Hành vi của bị cáo Danh P2 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Như vậy, kết luận của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức việc cố ý gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo cố tình thực hiện, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, mang tính chất côn đồ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần thiết xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, thì mới có tính giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có tác động gia đình đã bồi thường khắc phục hậu quả một phần cho bị hại và bị cáo đầu thú. Do đó, HĐXX áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Xử lý vật chứng: Do không thu giữ được nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phạm Văn H1 không yêu cầu bị cáo bồi thường nên HĐXX miễn xét.

Bị hại Dương Văn X thoả thuận với bị cáo Danh P2 về việc bồi thường số tiền chi phí điều trị thương tích và tổn hại sức khỏe với tổng số tiền là 52.000.000đồng. Bị cáo tác động gia đình đã bồi thường được số tiền 21.450.000đồng (trong đó tiền viện phí, điều trị, tiền xe 13.450.000đồng và trả tiền mặt là 8.000.000đồng) còn lại 32.000.000đồng chưa bồi thường. Tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện bồi thường tiếp số

tiền 32.000.000đồng còn lại cho bị hại Dương Văn X. Xét thấy, việc thoả thuận bồi thường dân sự là tự nguyện không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức của xã hội nên cần được ghi nhận. Do đó, HĐXX thống nhất ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Danh P2 bồi thường cho bị hại Dương Văn X số tiền 32.000.000đồng.

[7] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Cẩm H: Tại phiên tòa, bà H không yêu cầu bị cáo Danh P2 hoàn trả số tiền bà đã khắc phục nêu trên cho bà nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[8] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc định tội danh, khung hình phạt cũng như việc áp dụng các điều luật để xử lý vụ án là có căn cứ pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[9] Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Danh P2 phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Danh P2 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Danh P2 **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/9/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Danh P2 bồi thường cho bị hại anh Dương Văn X số tiền 32.000.000đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về việc xử lý vật chứng: Không xét.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Danh P2 phải nộp 200.000đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 1.600.000đồng (*một triệu sáu trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 1, 4 Điều 331 và khoản 1, 3 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/03/2025). Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai tại nơi thường trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

Nơi Nhận:

- TAND Tỉnh KG;
- VKS Huyện Hòn Đất;
- Cơ quan THA huyện Hòn Đất;
- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Hồng Diệp

